

Bản án số: 84/2024/DS-ST

Ngày 17-12-2024

“V/v Tranh chấp về hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Ông Nguyễn Kim Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số B N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Vân T - Chức vụ: Trưởng phòng G (theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 15/01/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Bà Huỳnh Nguyễn Vân T ủy quyền lại cho ông Phạm Gia L - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân (theo Giấy ủy quyền số 124/2024/UQ-PGDCC ngày 06/8/2024); địa chỉ liên hệ: Số B Ông Í, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông L có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Bùi Tố U, sinh năm 1982

Địa chỉ: K N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Gia L trình bày:

Ngày 07/06/2016, bà Bùi Tố U có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ vào chính sách sao kê lương của bà U, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: 2.80%/tháng; Lãi suất quá hạn : 4.2%/tháng (2.80% x 150%).

Sau khi được cấp tín dụng bà U đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 180.590.435 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 31/8/2023, bà U đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 210.003.950 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn 3.463.810 đồng, lãi 57.729.455 đồng, phí vượt hạn mức 1.404.309 và phí khác 2.242.000 đồng và gốc 145.164.375 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 30/11/2023, bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà U và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà U có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà U vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Tố U phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/12/2024 là 55.660.581 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng). (Trong đó: Dư nợ gốc 35.426.059 đồng, lãi quá hạn 20.234.522 đồng). Bà Bùi Tố U phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/12/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn bà Bùi Tố U đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai của bà trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán giữa Ngân hàng TMCP S và bà Bùi Tố U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Bùi Tố U (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Tố U.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2016, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Bùi Tố U có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, bà U đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 180.590.435 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2.8%/tháng, lãi suất quá hạn 4.2%/tháng (2.8% x 150%).

Từ khi mở thẻ cho đến nay, bà Bùi Tố U đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 210.003.950 đồng (Trong đó: Phí trễ hạn 3.463.810 đồng, lãi 57.729.455 đồng, phí vượt hạn mức 1.404.309 và phí khác 2.242.000 đồng và gốc 145.164.375 đồng). Bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) từ ngày 30/11/2023 nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà U và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

[2.3] Bà Bùi Tố U đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ tín dụng tuy nhiên lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do đó Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Bùi Tố U và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại phiên toà, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Tố U phải thanh toán toàn bộ số tiền là 55.660.581 đồng (*Năm mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*), trong đó: Dư nợ gốc 35.426.059 đồng, lãi quá hạn 20.234.522 đồng tính đến ngày 17/12/2024, bà U có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là $55.660.581 \text{ đồng} \times 5\% = 2.783.029 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280 Bộ luật Dân sự;

Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Bùi Tố U.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Bùi Tố U phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 55.660.581 đồng (*Năm mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*), trong đó: Dư nợ gốc 35.426.059 đồng, lãi quá hạn 20.234.522 đồng (tính đến ngày 17/12/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2016.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Tố U phải chịu 2.783.029 đồng (*Hai triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, không trăm hai mươi chín đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.228.609 đồng theo biên lai thu số 0002969 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Vũ